

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về thống kê ngành lâm nghiệp

Thông tư số 12/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về thống kê ngành lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2023.

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về thống kê ngành lâm nghiệp.¹

¹ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp có căn cứ ban hành như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp; chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp.

2. Đối với các báo cáo khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại các văn bản do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thống kê ngành lâm nghiệp, bao gồm:

1.² Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh.

4. Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp huyện đối với địa bàn không có cơ quan Kiểm lâm cấp huyện.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thống kê ngành lâm nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc thống kê ngành lâm nghiệp

1. Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời.

2. Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.

3. Thống nhất về nghiệp vụ, không trùng lặp, không chồng chéo.

4. Công khai, minh bạch.

5. Có tính so sánh.

Điều 4. Nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp

1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp là tập hợp những chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình và kết quả hoạt động trong ngành lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2024

2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp, bao gồm:

- a) Danh mục chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp được quy định tại Mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư này;
- b) Nội dung các chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp được quy định tại Mục II Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp

1. Chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

2.³ Báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp cấp tỉnh

- a) Đơn vị báo cáo: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh;
- b) Đơn vị nhận báo cáo: Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp cấp huyện

- a) Đơn vị báo cáo: Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp huyện đối với địa bàn không có cơ quan Kiểm lâm cấp huyện;

- b) Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh.

4. Kỳ báo cáo

- a) Báo cáo thống kê tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 của tháng đến hết ngày cuối cùng của tháng đó;

- b) Báo cáo thống kê quý được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của quý đến hết ngày cuối cùng của quý báo cáo đó;

- c) Báo cáo thống kê 6 tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 của kỳ báo cáo đó;

- d) Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm;

- đ) Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện trong trường hợp khi có yêu cầu đột xuất.

5. Thời hạn nhận báo cáo là ngày nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

6. Phương thức gửi báo cáo

- a) Báo cáo bằng văn bản giấy có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo hoặc dưới dạng tệp tin điện tử được xác thực bằng chữ

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2024

ký số của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo;

b) Báo cáo qua hệ thống phần mềm báo cáo điện tử, số liệu nhập bằng phần mềm phải khớp với văn bản giấy, tệp tin điện tử quy định tại điểm a khoản này.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1.⁴ Cục Lâm nghiệp

a) Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tích hợp, lưu trữ, khai thác số liệu thống kê ngành lâm nghiệp từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành; chủ trì hoặc phối hợp tổ chức điều tra thống kê ngành lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư này; yêu cầu đơn vị báo cáo kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi cần kiểm tra tính chính xác của số liệu báo cáo;

c) Tổng hợp thông tin thống kê, báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định;

d) Quản lý, sử dụng và bảo mật thông tin thống kê ngành lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

đ) Đầu mối phối hợp với Tổng cục Thống kê trong việc thu thập, tổng hợp, đối chiếu, thống nhất số liệu thuộc danh mục chỉ tiêu thống kê; đầu mối cung cấp hồ sơ thẩm định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lâm nghiệp;

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát danh mục và nội dung các biểu mẫu báo cáo thống kê theo quy định của Thông tư này để kịp thời đề nghị sửa đổi, bổ sung biểu mẫu báo cáo cho phù hợp với thực tiễn.

2.⁵ Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp

a) Đăng tải các biểu mẫu (định dạng pdf, excel), cập nhật các văn bản và tài liệu hướng dẫn, lưu trữ các tệp dữ liệu báo cáo, thông tin thống kê đã công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định trong chế độ báo cáo thống kê;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin trong quản lý thông tin thống kê.

2a.⁶ Cục Kiểm lâm

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2024

⁵ Cụm từ “Trung tâm Tin học và Thống kê” được thay thế bằng cụm từ “Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2024.

a) Phối hợp Cục Lâm nghiệp đôn đốc, tổng hợp, cập nhật số liệu thống kê ngành lâm nghiệp đối với các chỉ tiêu về bảo vệ rừng, tỷ lệ che phủ rừng; phối hợp tổ chức điều tra thống kê ngành lâm nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê, chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho cơ quan Kiểm lâm, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp;

b) Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ thống kê cho cơ quan Kiểm lâm và các cơ quan thực hiện thống kê ngành lâm nghiệp ở cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện công tác thống kê ngành lâm nghiệp;

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê cùng cấp.

4. Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh

a) Tổng hợp, cung cấp số liệu thống kê ngành lâm nghiệp trong phạm vi thẩm quyền được giao; phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định của Thông tư này;

b) Thu thập dữ liệu, thông tin thống kê từ: chủ rừng nhóm II có diện tích rừng nằm trên địa bàn từ 02 huyện trở lên thuộc tỉnh; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức làm thay nhiệm vụ của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh; cơ quan Kiểm lâm cấp huyện hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp huyện đối với địa bàn không có cơ quan Kiểm lâm cấp huyện;

c) Thực hiện báo cáo đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn, nội dung thông tin được quy định trong chế độ báo cáo thống kê và chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Cục Thống kê trong phân bổ, thu thập, đối chiếu, thống nhất số liệu thống kê ngành lâm nghiệp trên địa bàn;

đ) Kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo.

5. Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện hoặc đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thống kê ngành lâm nghiệp cấp huyện đối với địa bàn không có cơ quan Kiểm lâm cấp huyện

a) Tổ chức thu thập, tổng hợp, cung cấp số liệu thống kê ngành lâm nghiệp trong phạm vi thẩm quyền được giao; lựa chọn, phân giao nhiệm vụ, địa bàn cụ

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2024

thể cho kiểm lâm trên địa bàn thực hiện công tác thống kê;

b) Tổ chức thu thập dữ liệu, thông tin thống kê từ chủ rừng nhóm II có diện tích rừng trên địa bàn huyện; tổng hợp thông tin thống kê từ kiểm lâm trên địa bàn đối với chủ rừng nhóm I. Trường hợp cơ quan Kiểm lâm cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý liên quan tới 02 huyện trở lên thì tách riêng dữ liệu, thông tin theo từng huyện để gửi báo cáo;

c) Thực hiện báo cáo đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn nội dung thông tin được quy định trong chế độ báo cáo thống kê và chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Chi cục Thống kê trong phân bổ, thu thập, đối chiếu, thống nhất số liệu thống kê ngành lâm nghiệp trên địa bàn;

đ) Kiểm tra, cung cấp lại báo cáo và các thông tin liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo.

6. Cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 44 Luật Thống kê. Hoạt động thống kê tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 65 Luật Thống kê.

Điều 7. Hiệu lực thi hành⁷

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2019.

2. Nội dung quy định về hệ thống chỉ tiêu thống kê và các chế độ báo cáo thống kê ngành lâm nghiệp tại Quyết định số 3201/QĐ-BNN-KH ngày 26/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và các chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung./.

⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2024.

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BNNPTNT

*Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2024****Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo và đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ);
- Cổng TTĐT Bộ NN và PTNT (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế Bộ NN và PTNT (để biết);
- UBND, Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, LN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Quốc Trị**